

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST

Ngày: 20/ 8/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguy Thế Xuân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-KDTM ngày 02/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-KDTM ngày 22/6/2020, thông báo chuyển lịch xét xử số 14/2020/TB-TA ngày 17/7/2020 và thông báo chuyển lịch xét xử số 16/2020/TB-TA ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. **Đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: 130 đường L, phường X, quận P, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh Đắk Lắk. Địa chỉ: 09 đường T, phường L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý tín dụng. (Theo Quyết định ủy quyền số 13/QĐ-DAB-ĐLK ngày 19/02/2020. Địa chỉ: 09 đường T, phường L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- **Bị đơn:** Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTN Thương mại C.(vắng mặt).

Địa chỉ: 201 đường H, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1968; Địa chỉ: 299 đường H, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2/ Ông Trần Kim C, sinh năm 1967 (chồng bà Đ); Địa chỉ: 201 đường H, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ-Chi nhánh Daklak cụ thể như sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 23.500.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn) chi tiết bao gồm những khoản cấp tín dụng như sau:

+Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0553/1; Số tiền vay: 4.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng.); Lãi suất: 12% với thời hạn vay 06 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến hạn trả DNTN TM C không trả được, thì đến ngày 06/04/2010 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả cho Ngân hàng được 572.515.000đồng gốc và 163.999.999đồng lãi.

+ Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0571/1; Số tiền vay: 10.400.000.000 VND (Bằng chữ: Mười tỷ bốn trăm triệu.); Lãi suất: 12% với thời hạn vay 03 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến hạn trả DNTN TM C không trả được, thì đến ngày 22/01/2011 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả cho Ngân hàng được 4.547.400.000 đồng gốc và 100.533.000đồng lãi.

+ Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0576/1; Số tiền vay: 5.100.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ một trăm triệu đồng.);Lãi suất: 12% với thời hạn vay 03 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến hạn trả DNTN TM C không trả được, thì đến ngày Đến ngày 20/03/2010 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả cho Ngân hàng được 0 đồng gốc và 52.700.000đồng lãi.

+ Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0588/1; Số tiền vay: 4.000.000.000VND (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng.); Lãi suất: 12% với thời hạn vay 06 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến hạn trả DNTN TM C không trả được, thì đến ngày Đến ngày 25/04/2012 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM Chung Đào đã trả cho Ngân hàng được 4.000.000.000đồng gốc.

- Tài sản đảm bảo cho các khoản vay hiện tại còn lại là:

+ Lô đất có diện tích 5730 m²; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 15, toạ lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459807 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên bà Trần Thị Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1314/BL được công chứng ngày 13/4/2010.

+ Lô đất có diện tích 2280 m²; thửa đất số 52, tờ bản đồ số 15, toạ lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459154 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên ông Trần Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1312/BL được công chứng ngày 13/4/2010.

Vì Vậy Ngân hàng TMCP Đ CN ĐắkLắk đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ buộc Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C phải trả toàn bộ nợ và lãi phát sinh cho

Ngân hàng. Do Khách hàng: Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/02/2020, bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C còn nợ Ngân hàng **Tổng cộng : 41.536.909.014 VND** (Bằng chữ: Bốn mươi một tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm linh chín ngàn, không trăm mười bốn đồng) trong đó tiền gốc 14.380.085.000 VND; Lãi trong hạn: 623.200.002 VND; Lãi quá hạn: 26.533.624.012 VND; Và tiền lãi phát sinh từ ngày **19/02/2020** đến ngày bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng.

Nếu bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ CN DakLak yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, khi không thu hồi đủ nợ thì buộc bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C vẫn tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C trình bày:

Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTN Thương mại C là chị dâu của tôi . Trong quá trình làm ăn kinh doanh tôi có biết chị Đ có vay vốn làm ăn tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Đắk Lắk. Tôi có dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của chị Đ tại Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là: Lô đất có diện tích 5730 m²; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459807 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên bà Trần Thị Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1314/BL được công chứng ngày 13/4/2010. Lô đất trên là tài sản hợp pháp của tôi, hiện nay tôi vẫn đang quản lý, chăm sóc và sử dụng. Hiện nay bà Đ đã bỏ đi khỏi địa phương và không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Do đó đối với yêu cầu của Ngân hàng thì tôi không có ý kiến gì. Còn về phần tài sản tôi đảm bảo cho bà Đ vay vốn tại Ngân hàng thì đề nghị toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Tôi không có ý kiến khiếu nại gì. Ngoài ra tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì khác

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nơi cư trú, hiện nay cơ quan điều tra đang truy nã trong vụ án khác nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

-Về nội dung vụ án; Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc buộc Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C phải trả Ngân hàng tổng số tiền là 41.536.909.014đồng, trong đó gốc 14.380.085.000đồng, lãi trong hạn 623.200.002đồng

lãi quá hạn: 26.533.624.012đồng , lãi tính đến ngày 18/02/2020 và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 19/02/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng. Đối với tài sản thế chấp được xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt do đang bị cơ quan điều tra công an tỉnh Đắk Lắk truy nã trong một vụ án khác, nên không thể công khai chứng cứ, tiến hành đối chất, hoà giải được theo quy định tại Điều 205, Điều 207, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai , căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Ngày 04/12/2009 bà Trương Thị Đ chủ DNTN TM C có ký Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0553/1; Số tiền vay: 4.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Bốn tỷ đồng.*); Lãi suất: 12% /năm, thời hạn vay 06 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê tại ngân hàng. Đến ngày 06/04/2010 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả cho Ngân hàng được 572.515.000đồng gốc và 163.999.999đồng lãi. Ngày 22/01/2010 bà Trương Thị Đ chủ DNTN TM C có ký Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0571/1; Số tiền vay: 10.400.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười tỷ bốn trăm triệu.*); Lãi suất: 12%/năm, thời hạn vay 03 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến ngày 22/01/2011 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả cho Ngân hàng được 4.547.400.000 đồng gốc và 100.533.000đồng lãi. Ngày 27/01/2010 ký Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0576/1; Số tiền vay: 5.100.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm tỷ một trăm triệu đồng.*);Lãi suất: 12%/năm, thời hạn vay 03 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến ngày 20/03/2010 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả được 52.700.000đồng lãi. Ngày 17/3/2010 ký Hợp đồng vay ngắn hạn số: H0588/1; Số tiền vay: 4.000.000.000VND (*Bằng chữ: Bốn tỷ đồng.*); Lãi suất: 12%/năm, thời hạn vay 06 tháng; Mục đích vay: kinh doanh cà phê. Đến ngày 25/04/2012 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C đã trả cho Ngân hàng được 4.000.000.000đồng gốc.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C có ký Hợp đồng thế chấp các tài sản sau:

+ Lô đất có diện tích 5730 m²; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459807 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên bà Trần Thị Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1314/BL được công chứng ngày 13/4/2010.

+ Lô đất có diện tích 2280 m²; thửa đất số 52, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459154 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên ông Trần Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1312/BL được công chứng ngày 13/4/2010.

Tính đến ngày 18/02/2020 bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền là 41.536.909.014đồng, trong đó gốc 14.380.085.000đồng, lãi trong hạn 623.200.002đồng lãi quá hạn: 26.533.624.012đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 19/02/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán số nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với sự thừa nhận của ngân hàng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quy định tại các Điều 342; 347; 471; 474; 476 BLDS năm 2005 và khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

[3]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí KDTMST quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 205, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Các Điều 342; 347; 471; 474; 476; 715; 716; Điều 719; Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

- Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ Tổng số tiền là 41.536.909.014 đồng, trong đó gốc 14.380.085.000 đồng, lãi trong hạn 623.200.002 đồng lãi quá hạn: 26.533.624.012 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 19/02/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán số nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bao gồm:

Thửa đất số 72, diện tích 5730 m²; tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Đ, huyện K (nay là phường Đ, thị xã B), tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459807 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên bà Trần Thị Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1314/BL được công chứng ngày 13/4/2010.

Thửa đất số 52, diện tích 2280 m²; tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường Đ, thị xã B), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0459154 do UBND huyện K cấp ngày 06/3/1995 mang tên ông Trần Kim C. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1312/BL được công chứng ngày 13/4/2010, để thi hành số tiền trên.

Trường hợp bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng trả lại các tài sản đã thế chấp là các Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1314/BL được công chứng ngày 13/4/2010, đứng tên bà Trần Thị Kim C và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số H.1312/BL được công chứng ngày 13/4/2010 đứng tên ông Trần Kim C.

Về án phí: Bà Trương Thị Đ – Chủ DNTNTM C phải chịu 149.536.909đ (Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm không chín đồng) án phí KDTMST.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ 74.768.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004838 ngày 04/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Minh Chức